TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 192/2023/DS-PT
Ngày: 07-6-2023
"V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Cảnh.

Các Thẩm phán: 1. Ông Nguyễn Văn Thu.

2. Bà Lê Thị Bích Tuyền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Kim Thanh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Phát – Kiểm sát viên.

Vào ngày 07 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An mở phiên toà để xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 83/2023/TLPT-DS ngày 11 tháng 4 năm 2023 về việc "tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 12/2023/DS-ST ngày 07-02-2023 của Toà án nhân dân huyện Đức Hoà bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 104/2023/QĐ-PT ngày 12 tháng 5 năm 2023 và quyết định hoãn phiên toà phúc thẩm số 115/2023/QĐ-PT ngày 30 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Bùi Thị Kim A, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Ấp Chánh, xã X, huyện Y, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của bà A: Ông Nguyễn Văn E, sinh năm 1946.

Địa chỉ: Số 538/17 Lý Thường Kiệt, Phường 7, quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Hoàng B, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Số 162, Ô5, khu B, thị trấn V, huyện Y, tỉnh Long An.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà B: Luật sư Dương Thị Kim Thanh – Văn phòng luật sư Gia Khang thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Long An.

Địa chỉ: 42 Ô6, khu B, thị trấn V, huyện Y, tỉnh Long An.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Số 89 ấp Chánh, xã K, huyện Y, tỉnh Long An.

Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Hoàng B và bà Nguyễn Thị C.

(Ông E, bà B, bà C và Luật sư Thanh có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17/8/2022, những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Bùi Thị Kim A do chị Nguyễn Kim Tiền đại diện trình bày như sau: Vào ngày 04/07/2016, bà Bùi Thị Kim A có cho bà Nguyễn Thị Hoàng B vay số tiền là 214.000.000 (hai trăm mười bốn triệu) đồng, trong quá trình thực hiện hợp đồng vay bà B chỉ trả tiền lãi cho bà A được 09 tháng với số tiền là 77.040.000 (bảy mươi bảy triệu không trăm bốn mươi nghìn) đồng. Từ tháng 4/2017 đến nay, bà B không thanh toán nữa. Dù bà A đã nhiều lần nhắc nhở, yêu cầu bà B thanh toán tiền gốc 214.000.000 đồng và tiền lãi nhưng đến nay bà B vẫn không thanh toán. Vì vậy, bà đề nghị Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Long An giải quyết buộc bà Nguyễn Thị Hoàng B phải thanh toán cho bà A tiền nợ gốc là 214.000.000 (hai trăm mười bốn triệu) đồng và tiền lãi tính từ ngày vay đến thời điểm xét xử, lãi suất 20%/năm, tính từ ngày 04/07/2016 cho đến ngày 04/02/2023 là 214.000.000 x 20% / 12 x 79 tháng = 281.767.000đồng, trừ số tiền lãi bà B đã trả thì tiền lãi còn lại: 281.767.000đồng - 77.040.000 = 204.727.000 đồng.

Tổng cộng số tiền gốc và lãi mà bà Nguyễn Thị Hoàng B phải thanh toán cho bà A là 214.000.000 đồng + 204.727.000 đồng = 418.727.000 đồng. Bà A yêu cầu bà B phải thanh toán một lần số tiền trên ngay khi bản án/quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, trường hợp bà B chậm thi hành án thì phải trả lãi chậm thi hành án.

Tại phiên Tòa, bà Tiền đại diện cho bà A trình bày rằng, bà B và bà C là mẹ con cùng đến nhà bà A mượn tiền, bà B trực tiếp ký nhận nợ, sau đó bà C có trả lãi được 77.040.000 đồng nên thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện yêu cầu bà B và bà C liên đới trả tiền gốc 214.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định từ ngày 04/07/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm có khấu trừ số tiền lãi đã nhận 77.040.000 đồng.

Bà A chỉ yêu cầu bà B và bà C không yêu cầu chủ thể khác cùng có trách nhiệm liên đới số tiền trên.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn bà Nguyễn Thị Hoàng B trình bày: Trước năm 2016, mẹ bà là bà Nguyễn Thị C có vay tiền của bà Bùi Thị Kim A; số tiền cụ thể bao nhiêu bà không biết. Đến tháng 6/2016 bà A chốt với mẹ bà tiền gốc và lãi tổng cộng là 214.000.000 đồng và yêu cầu mẹ bà ký vào giấy chốt nợ để mẹ bà trả dần mỗi tuần 1.000.000 đồng nhưng do mẹ bà không biết chữ nên bà A yêu cầu bà phải ký nợ thay cho mẹ bà, bà đồng ý ký thay mẹ bà vì mẹ bà cũng thừa nhận số nợ này. Do đó, số tiền này là số nợ của mẹ bà là bà Nguyễn Thị C, giữa bà và bà A không có việc vay tiền nào với nhau. Nội dung lãi 4% cũng là do bà A tự thêm vào.

Bà được biết kể từ khi bà ký giấy chốt số tiền nợ 214.000.000 đồng với bà A thay mẹ bà, mẹ bà cũng đã thực hiện trả góp cho bà A mỗi tuần 1.000.000

đồng liên tục được 161.500.000 đồng cho đến tháng 3/2021 thì mẹ bà và bà A mâu thuẫn nên ngưng trả cho đến nay. Nay mẹ bà chỉ còn nợ lại bà A số tiền 52.500.000 đồng.

Bà xác nhận chữ ký và viết tên ghi trong giấy chốt nợ ngày 04/7/2016 là của bà nhưng bà không có vay tiền của bà A như bà A trình bày nên bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà A.

Tại phiên Tòa bà chỉ đồng ý cùng liên đới với bà C trả cho bà A số tiền 52.500.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị C trình bày trong quá trình giải quyết vụ án: Trước năm 2016, bà có vay tiền của bà Bùi Thị Kim A. Đến tháng 6/2016 bà A chốt với bà tiền gốc và lãi tổng cộng là 214.000.000 đồng và yêu cầu bà ký vào giấy chốt nợ để trả dần mỗi tuần 1.000.000 đồng nhưng do bà không biết chữ nên bà A yêu cầu bà B là con gái bà phải ký nợ thay cho bà, bà B đồng ý ký thay bà. Do đó, số tiền này là số nợ của cá nhân của bà, giữa bà B và bà A không có việc vay tiền nào với nhau. Nội dung lãi 4% cũng là do bà A tự thêm vào. Kể từ khi bà B ký giấy chốt số tiền nợ 214.000.000 đồng với bà A thay bà, bà cũng đã thực hiện trả góp cho bà A mỗi tuần 1.000.000 đồng liên tục, cho đến tháng 3/2021 thì bà và bà A mâu thuẫn nên ngưng trả cho đến nay. Cụ thể số tiền bà đã trả được cho bà A là 161.500.000 đồng, nay bà chỉ còn nợ lại bà A số tiền 52.500.000 đồng, bà A yêu cầu bà B trả số tiền vay 214.000.000 đồng và lãi là không có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà A.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 12/2023/DS-ST ngày 07-02-2023 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hoà, tỉnh Long An đã căn cứ vào Điều 26, 35, 39, 147, 186, 273, 227 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 463, 466, 468, 357 Bộ luật Dân sự 2015; khoản 1, 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị Kim A đối với bà Nguyễn Thị Hoàng B, bà Nguyễn Thị C về việc tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản".

Buộc bà Nguyễn Thị Hoàng B, bà Nguyễn Thị C có trách nhiệm liến đới trả cho bà Bùi Thị Kim A số tiền 276.506.000 đồng (trong đó tiền gốc là 214.000.000 đồng; tiền lãi là 62.506.000 đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, bên có nghĩa vụ chậm thi hành sẽ phải chịu thêm khoản tiền lãi tính trên số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 tương ứng với thời gian chưa thi hành án, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị Hoàng B phải nộp 13.825.300 đồng án phí dân sự sơ thẩm sung Ngân sách Nhà nước.

Bà Nguyễn Thị C được miễn án phí.

Hoàn trả lại bà Bùi Thị Kim A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.845.000đồng theo biên lai thu số 0000146 ngày 05/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền và thời hạn kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

Bản án chưa có hiệu lực pháp luật.

Ngày 22/02/2023, bà Nguyễn Thị Hoàng B kháng cáo toàn bộ bán án sơ thẩm với lý do: Bản án đã tuyên buộc bà cùng mẹ của bà là bà Nguyễn Thị C liên đới trả cho bà Bùi Thị Kim A số tiền là 276.506.000 đồng bao gồm tiền gốc là 214.000.000 đồng và tiền lãi là 62.506.000 đồng là không khách quan, không đúng quy định của pháp luật. Bởi vì:

+ Bà A khởi kiện cho rằng bà là người vay của bà A số tiền là 214.000.000 đồng, có mức lãi suất là 4% nhưng bà xác định số tiền trên là nợ của mẹ bà là bà Nguyễn Thị C, bà ký nợ thay do yêu cầu của bà A vì mẹ bà không biết chữ. Mẹ bà cũng xác định như vậy, đồng thời chính bà A thừa nhận đó là nợ của mẹ bà được thể hiện tại phần cuối trong đoạn ghi âm cuộc trò chuyện giữa bà với bà A.

+ Bà A thừa nhận có nhận tiền lãi của bà và bà C trả tổng cộng là 77.040.000 đồng mà không chứng minh được con số 77.040.000 đồng tiền lãi bà A thu của bà và mẹ của bà trả trên cơ sở tính lãi suất là bao nhiêu và số tiền này trả cho bao nhiêu tháng lãi? Đây là một con số khống tự đặt.

+ Nếu là bà vay tiền của bà A, khi viết giấy nợ sao bà A không bảo bà ghi: "lãi suất" một cách công khai để rồi sau khi bà ghi dòng chữ có nội dung đơn giản nhằm mục đích xác nhận nợ cho mẹ bà rồi bà tự thêm vào bên dưới. Mặt khác, tại thời điểm mẹ bà đổ nợ, bà A biết rõ mẹ bà không khả năng trả nợ, mà bà lại sống chung nhà với mẹ của bà thì không lý nào bà A lại cho bà vay đến 214.000.000 đồng, không lãi suất và vô thời hạn như thế, trong khi đó bà A không phải là người mà lần đầu tiên mới cho vay.

+Khi chủ tọa phiên toà sơ thẩm hỏi bà có đồng ý liên đới với mẹ của bà trả số tiền 52.500.000 đồng cho bà A hay không? Bà có đồng ý nhưng bà hiểu đó là số tiền mẹ bà chỉ còn nợ bà A là 52.500.000 đồng và là vì tình cảm mẹ con chứ không phải vì nghĩa vụ liên đới bởi vì không phải là đoạn ghi âm nợ của bà.

Như vậy, Hội đồng xét xử chưa kiểm tra đầy đủ chứng cứ để đánh giá khách quan tìm ra sự thật của vụ án mà vội buộc nghĩa vụ liên đới giữa bà và bà C phải trả cho bà A số tiền gốc là 214.000.000 đồng và tiền lãi là 62.506.000 đồng là không đảm bảo quyền lợi hợp pháp của bà.

Đề nghị Tòa phúc thẩm xem xét: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà A về việc buộc bà phải trả nợ cho bà A.

Ngày 22/02/2023, bà Nguyễn Thị C kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với lý do: Bản án đã tuyên buộc bà cùng con của bà là Nguyễn Thị Hoàng Oanh liên đới trả cho bà Bùi Thị Kim A số tiền là 276.506.000 đồng bao gồm tiền gốc là 214.000.000 đồng và tiền lãi là 62.506.000 đồng là không khách quan, không đúng quy định của pháp luật. Bởi vì:

+ Số tiền 214.000.000 đồng mà bà Nguyễn Thị Hoàng B ký nợ với bà A là số tiền đó là nợ của bà do nợ thời gian dài, bà A mới chốt nợ cả vốn lẫn lãi để cho bà trả dần mà không phải tính lãi nữa. Bà B ký nợ cho bà A là ký thay bà do bà không biết chữ theo yêu cầu của bà A.

+ Bà A khởi kiện cho rằng Hoàng Oanh là người vay tiền của bà A, có mức lãi suất là 4%/tháng nhưng bà A lại thừa nhận có nhận tiền lãi của bà và bà Hoàng Oanh trả tổng cộng là 77.040.000 đồng. Vậy, bà A căn cứ vào đâu để thu tiền lãi của con bà và bà trả như vậy?

+ Quyển sổ ghi ngoài bìa: "Năm 2019 Chị Mết" (là sổ chính) do chính bà A giao cho bà, trong đó có số tiền do bà A ghi nhận tiền của bà trả góp hàng tuần cho đến hết tháng 02/2021 mà bà đã cung cấp cho Tòa, Hội đồng xét xử không làm rõ quyển sổ này có phải do bà A ghi hay không? Nếu bà A ghi thì từ năm 2019 cho đến tháng 02/2021, bà A thu tiền của bà là tiền gì?

+ 02 file ghi âm cuộc nói chuyện giữa Hoàng Oanh với bà A và giữa bà Lệ với bà Hà mà Oanh đã cung cấp cho Tòa thể hiện: 1. Bà A nói: "*...Bây giờ tóm tắt đi, giờ hai trăm mười sáu triệu mẹ con mượn...*". Đây là chứng cứ bà A xác định số tiền bà A đòi con bà là do bà mượn chứ không phải là Hoàng Oanh và số tiền này chính là số tiền bà A tranh chấp với Oanh. 2. Bà Hà nói: "*Trời! Út Dung gom về bển chứ đâu, em lấy chi em*". Đây là căn cứ xác định quyển sổ mà bà Hà giữ trước năm 2019 của bà thì bà A gom về nhằm làm phi tang dấu tích nhận tiền của bà trong suốt thời gian dài để rồi quay sang kiện Hoàng Oanh để lấy đủ số tiền ban đầu mà bà cho rằng là Hoàng Oanh vay lãi suất 4%.

Như vậy, Hội đồng xét xử chưa kiểm tra chứng cứ là quyển sổ "Năm 2019 Chị Mết"; Chưa cho bà Hà, bà A nghe trực tiếp đoạn ghi âm mà bà cung cấp để tìm ra sự thật của vụ án mà vội buộc nghĩa vụ liên đới giữa bà và Hoàng Oanh phải trả cho bà A số tiền gốc là 214.000.000 đồng và tiền lãi là 62.506.000 đồng là không đảm bảo quyền lợi hợp của bà, bởi vì bà chỉ còn nợ bà A số tiền 52.500.000 đồng, Hoàng Oanh không có nghĩa vụ trả nợ này vì là nợ của bà mà bà A thừa nhận trong đoạn ghi âm. Yêu cầu Toà án cấp phúc thẩm xem xét: Cải sửa bản án sơ thẩm theo tình tiết thật của vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bên không thỏa thuận được với nhau, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn không rút yêu cầu kháng cáo và các đương sự tranh luận như sau:

- Luật sư Dương Thị Kim Thanh là người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị Hoàng B tranh luận: Căn cứ vào đơn khởi kiện của bà A và các nội dung có trong hồ sơ vụ án, giấy nợ do bà A cung cấp thể hiện: "*Oanh có mượn út Dung 214.000.000 đồng và ký tên Oanh*" mà không có thể hiện người nhận tiền, không thể hiện thời gian trả và cũng không thể hiện mức lãi suất, chứng tỏ rằng đây không phải là số tiền bà A cho bà B vay vì bà B không có nhận tiền. Theo nội dung ghi âm cuộc trò chuyện giữa bà B với bà A được bà B ghi âm và cung cấp thì thể hiện bà A thừa nhận số tiền trên không phải là nợ của bà B mà là số nợ của bà C.

Đoạn ghi âm giữa bà Lệ và bà Hà được bà B ghi âm và cung cấp thì bà Hà xác định có giữ "quyển sổ" bà C trả góp tiền cho bà A thời điểm từ 2016 (thời điểm sau khi ký giấy nợ) đến cuối năm 2018, quyển sổ này bà Hà giữ và bà A đã lấy lại. Bà C đã thỏa thuận với bà A là chốt nợ 214.000.000 đồng và cho trả dần mỗi tuần 1.000.000 đồng, bà C trả liên tục không gián đoạn và trả đến năm 2018, thời gian đầu quyển sổ này bà A giao cho bà C, mỗi lần bà C đưa tiền thì bà C đưa sổ ra để bà A ghi vào. Sau đó, vì bà A ngại phải chờ bà C chăm sóc mẹ nên đem đưa cho bà Hà giữ sổ mỗi tuần bà C trả thì bà A sẽ ra bà Hà lấy sổ và ghi vào. Vậy nên có căn cứ cho rằng số tiền này là số tiền bà C nợ bà A và bà A cho bà C trả góp và chứng cứ trả góp là hai quyển sổ chứ không phải trả lãi như nguyên đơn trình bày.

Căn cứ vào quyển sổ có ghi ngoài bìa "2019 chị Mết" trong đó bà A có ghi chi tiết ngày tháng, số tiền thu của bà C từ ngày 12/02/2019 âm lịch đến 24/02/2021 do bà A đưa cho bà C giữ có căn cứ xác định là nợ của bà C nên bà C mới trả góp, đại diện nguyên đơn không giải thích được bà B nợ tiền bà A nhưng tại sao bà A thu tiền của bà C mà không có bút tích nào của bà B.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà A khẳng định kiện bà B trả tiền, thời gian đầu chỉ kiện bà B, lần hai kiện bà B và chồng bà B, sau đó rút lại không khởi kiện chồng bà B. Tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện theo ủy quyền của bà A kiện yêu cầu bà C liên đới trả nợ. Xét thấy tại phiên tòa sơ thẩm không làm rõ chứng cứ do đương sự cung cấp, chỉ nhận định chung chung mà chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà A là phiến diện, không đúng tình tiết và chứng cứ thật của vụ án vì, buộc bà B có nghĩa vụ trả nợ là không đúng vì bà A xác định số nợ trên là của bà C (qua đoạn ghi âm), buộc bà C và bà B liên đới trả nợ là vi phạm thủ tục tố tụng, vượt quá yêu cầu khởi kiện.

Đại diện bên nguyên đơn cho rằng Luật sư yêu cầu trong giấy biên nhận nợ phải có chữ ký của người cho mượn nợ là không chính xác mà Luật sư chỉ cho rằng trong giấy nhận tiền không có thể hiện bà B đã nhận tiền. Còn trong cuốn sổ mà đại diện nguyên đơn cho rằng mất tờ giấy ghi phần lãi suất là không mất mà trang này có nội dung "*Chị Mết - Oanh mượn út Dung 214 triệu ngày 01/6 âm lịch - 4%*" đây là chữ viết của bà A tự viết vào sổ và đưa bà C chứ hoàn toàn không có chữ ký của bà B. Đại diện nguyên đơn cho rằng sổ này chứng minh cho việc bà B mượn tiền bà A thì sao lại không ghi cho bà B mà lại ghi "*2019-chị Mết*" nếu là bà B nợ thì cũng không có chứng cứ chứng minh bà B trả tiền mà toàn bộ là bà C trả, bà C không nợ bà A thì bà A thu tiền của bà C với lý do gì?

Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà B, bác yêu cầu khởi kiện của bà A đòi bà B và bà C trả nợ gốc và lãi như án sơ thẩm đã tuyên.

- Bà Nguyễn Thị Hoàng B không tranh luận bổ sung.

- Bà Nguyễn Thị C không tranh luận.

- Ông Nguyễn Văn E là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn tranh luận: Qua các chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa hôm nay bà Nguyễn Thị Hoàng B thừa nhận ngày 01/6/2016 âm lịch bà có viết biên nhận mượn tiền của

bà A là 214.000.000 đồng và ký tên, bà cho rằng không nhận tiền là vô lý vì mượn tiền có viết biên nhận, có ký tên mà lại không nhận tiền là không thể xảy ra. Bà B cho rằng đây là số tiền bà C nợ bà A nhiều năm, bà B chỉ ký nợ thay cho mẹ nhưng không có chứng cứ nào chứng minh. Bà C cho rằng có góp tiền nhiều năm và mỗi khi góp tiền thì bà A ghi vào sổ, sau đó, giao sổ cho bà Hà giữ nhưng cũng không có chứng cứ. Nếu bà C giao tiền cho bà A thì sổ đó bà C phải giữ sao lại giao lại cho bà A rồi giao cho bà Hà nên không có cơ sở. Giọng nói trong đoạn băng ghi âm là của bà A nhưng bà A xác định bà B và bà C ở chung nhà, có tài sản chung nên muốn mượn tiền thì phải kêu bà B ký giấy.

Bị đơn và người liên quan cho rằng bà C thiếu tiền hụi bà A nhiều năm không có chứng cứ chứng minh, bà C đã góp tiền cho bà A cũng không có chứng cứ chứng minh số tiền bà C đã góp.

Tại cấp sơ thẩm bà C có nộp sổ có ghi 2019-2020 (bút lục số 47) có ghi "*Oanh mượn út Dung 214 triệu, 01/6/2016 âm lịch lãi suất 4%*" nhưng bản chính lại không còn nên có thể bà C đã bỏ đi. Vậy số tiền vay 214 triệu lãi suất 4%/tháng trả được 4 tháng là 34.240.000 đồng. Đến năm 2019, sổ được thể hiện tại bút lục số 48 tổng cộng gửi lãi hai năm, 2019 gửi lãi 22 triệu, 2020 gửi lãi 18 triệu, năm 2021 gửi 1,5 triệu tổng cộng 41,5 triệu.

Vì vậy, tại cấp sơ thẩm đại diện nguyên đơn yêu cầu bà C và bà B liên đới trả tiền 214 triệu cộng tiền lãi và được Tòa chấp nhận là do vay mượn có giấy tờ, bà C có trả lãi nên yêu cầu liên đới. Luật sư cho rằng biên nhận nợ không có chữ ký của của người cho mượn tiền và không có chứng cứ giao tiền là không đúng vì biên nhận nợ không cần người cho mượn nợ ký vào làm gì nên lời trình bày của Luật sư không có cơ sở; đề nghị Hội đồng xét xử bác đơn kháng cáo của bị đơn và người liên quan, giữ nguyên án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu:

- Về pháp luật tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm thực hiện đúng pháp luật về tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa ra xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng theo tố tụng. Các bên đương sự thực hiện đầy đủ quyền nghĩa vụ của mình. Kháng cáo hợp lệ đủ điều kiện để xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

- Về nội dung kháng cáo:

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn Văn E đại diện nguyên đơn bà A cho rằng bà A chỉ cho bà B vay tiền chứ bà C không có vay, còn giấy nợ ghi ngày 01/6/2016 (Âl) là do bà B ghi rồi ký tên, riêng phần nội dung ghi "lãi 4%" và phần tính lãi là do bà A ghi, bà A có nhận của bà C số tiền lãi là 77.040.000 đồng trả thay cho bà B; đồng thời ông E cũng thừa nhận trong nội dung ghi âm giữa bà A và bà B do phía bà B cung cấp cho Tòa án đúng là giọng nói của bà A; do bà C và bà B có quan hệ mẹ con ở chung một nhà nên tài sản là tài sản chung, bà C cũng trả lãi thay cho bà B nên ông E vẫn giữ nguyên yêu cầu buộc bà B và bà C liên đới trả nợ. Bị đơn bà B cho rằng theo nội dung ghi âm và sổ tay trả nợ đã cung cấp cho Tòa án thể hiện bà không có vay tiền của bà A, số tiền 214.000.000 đồng là tiền nợ hụi của mẹ bà là bà C với bà A nhưng do mẹ của bà không biết

chữ nên bà mới ghi và ký nhận vào giấy nợ ngày 01/6/2016 (Âl). Người liên quan bà Nguyễn Thị C cho rằng số tiền 214.000.000 đồng là nợ của bà, không phải của bà B nhưng bà đã trả tiền cho bà A hàng tuần là 1.000.000 đồng thông qua bà Hà là người làm ăn chung với bà A và bà A đến gặp bà Hà để gom tiền, hiện tại bà C chỉ còn nợ của bà A số tiền là 52.500.000 đồng.

Xét thấy, việc Tòa án cấp sơ thẩm nhận định cho rằng bà B và bà C cùng mượn tiền của bà A nên mới ký giấy mượn tiền ngày 04/7/2016 (tức ngày 01/6/2016 (Âl) và thực hiện trả góp cho bà A nên buộc bà B, bà C cùng liên đới nghĩa vụ trả nợ là chưa phù hợp. Bởi lẽ, lời trình bày của ông E đại diện cho bà A và các tài liệu, chứng cứ là nội dung ghi âm, sổ ghi theo dõi việc trả nợ góp do phía bà B, bà C xuất trình còn có nhiều mâu thuẫn chưa được làm rõ. Hơn nữa, theo như lời trình bày của bà C thì việc bà C trả góp cho bà A có liên quan đến bà Hà là người làm ăn chung với bà A, thông qua bà Hà để trả nợ cho bà A, hiện bà chỉ còn nợ của bà A số tiền là 52.500.000 đồng và nội dung cuộc ghi âm giữa bà Lệ với bà Hà cũng thể hiện ngoài sổ tay bà C giữ thì còn có sổ tay khác do bà A giữ mà theo lời trình bà của bà C thì cuốn sổ tay này ghi nhận đầy đủ số tiền bà C đã góp cho bà A từ năm 2016, vấn đề này cũng cần phải thu thập để xác minh làm rõ.

Mặt khác, theo bà B, bà C trình bày tại phiên tòa phúc thẩm thì lúc ghi giấy nợ thì bà A đã biết bà C không còn khả năng trả nợ nên chỉ ghi số tiền mượn chứ không ghi lãi, còn số tiền bà C góp cho bà A là góp của số tiền gốc, nội dung ghi lại 4% là do bà A tự ý ghi thêm và tại phiên tòa ông E đại diện cho bà A cũng thừa nhận phần nội dung ghi "lãi 4%" và phần tính lãi trong giấy mượn tiền ngày 04/7/2016 (tức ngày 01/6/2016 (Âl) là do bà A ghi thêm vào sau khi bà B viết giấy mượn tiền; trong nội dung giấy mượn tiền 04/7/2016 có ghi nhận "lãi 4%" nhưng cũng không ghi rõ mức lãi này là áp dụng theo ngày, tháng hay năm và cũng không có ghi thời hạn là khi nào trả tiền; đồng thời theo bản chính sổ tay do bà C đưa ra tại phiên tòa phúc thẩm cũng không có thể hiện có việc ghi nhận nội dung như ông E đại diện trình bày nên cần xác định giấy mượn tiền lập ngày 04/7/2017 là hợp đồng vay không kỳ hạn và không có lãi. Do đó, trong trường hợp này bên vay chỉ phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả tính từ ngày được thông báo trả tiền là ngày 13/7/2022, đồng thời do các bên không chứng minh có việc thỏa thuận trả lãi, giấy mượn tiền được xác định là không có thỏa thuận lãi nên cần xác định bà C đã trả góp tiền gốc cho bà A, chứ không phải là tiền lãi nên việc Tòa án cấp sơ thẩm tính lãi từ ngày 04/7/2016 và khấu trừ số tiền bà C đã góp gốc vào số tiền lãi như bản án là chưa phù hợp, trong trường hợp này nếu có căn cứ xác định bà C chỉ góp được 77.040.000 đồng thì phải cấn trừ số tiền này vào tiền gốc 214.000.000 đồng trước khi xem xét tính lãi.

Do vụ án có vi phạm về thủ tục tố tụng và nội dung của vụ án còn nhiều vấn đề chưa được Tòa án cấp sơ thẩm thu thập làm rõ, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự nên đề nghị Hội đồng xét xử hủy toàn bộ bản án sơ thẩm; yêu cầu kháng cáo của bà B, bà C là có cơ sở chấp nhận.

Từ những phân tích trên, căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét chấp nhận kháng cáo của bà B, bà C và hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1. Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Bà Nguyễn Thị Hoàng B và bà Nguyễn Thị C kháng cáo trong thời hạn luật định là hợp lệ, đúng thủ tục tố tụng nên được chấp nhận xem xét lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Bị đơn có nơi cư trú tại thị trấn V, huyện Đức Hoà, tỉnh Long An nên Tòa án nhân dân huyện Đức Hoà, tỉnh Long An thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Các bên đều thừa nhận giấy nợ ngày 01/6/2016 âm lịch có nội dung "*Oanh có mượn Út Dung 214.000.000đ (hai trăm mười bốn triệu chẵn)*". Tại phiên toà, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn cũng thừa nhận giọng nói của bà A trong nội dung ghi âm cuộc đối thoại giữa bà B và bà A: Bà B nói "*Tại vì con nói với Út như vầy thì nói chung là cái chuyện tiền bạc này, Út với mẹ con qua lại con thì mẹ con không biết chữ, mẹ viết chữ không rành nên con mới đứng ra"*; bà A đáp "*đúng không rành nên khi mẹ con mượn tiền Út là mẹ con với con ở chung một nhà cho nên tài sản là tài sản chung, Út mới kêu mẹ con: thôi giờ kêu con Oanh ra ký giấy đi rồi Út cho mượn tiền cho nên con mới qua ký giấy Út, bây giờ con ký Út nên Út thưa con chứ đâu thưa mẹ con được trên giấy tờ là như vậy"*; đồng thời tại phiên toà sơ thẩm người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn cũng thừa nhận có nhận tiền lãi do bà C đóng là 77.040.000 đồng. Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định bà C là người mượn tiền của bà A, không phải là Oanh là người mượn, cho nên việc bà A khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay với bà B là không có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Tại đơn khởi kiện đề ngày 17/8/2022, đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 24/11/2022, đơn xin rút yêu cầu khởi kiện (không đề ngày tháng năm), nguyên đơn bà Bùi Thị Kim A chỉ yêu cầu bà Nguyễn Thị Hoàng B trả nợ vay, không yêu cầu bà C liên đới nghĩa vụ; trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án cấp sơ thẩm tiến hành hoà giải (biên bản giải ngày 17/11/2022), công khai chứng cứ (biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ) đều thể hiện bà A chỉ khởi kiện yêu cầu bà B trả nợ, không có yêu cầu bà C. Đến tại phiên toà sơ thẩm, người đại diện theo uỷ quyền của bà A thay đổi yêu cầu khởi kiện là yêu cầu bà B và bà C cùng có nghĩa vụ liên đới là vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu theo quy định tại Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Việc Toà án cấp sơ thẩm buộc bà C có nghĩa vụ liên đới là vi phạm tố tụng, cần huỷ và đình chỉ phần này của án sơ thẩm.

Từ đó thấy rằng kháng cáo của bà Nguyễn Thị Hoàng B và bà Nguyễn Thị C là có cơ sở chấp nhận, lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An có cơ sở chấp nhận một phần.

[3] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên bà B, bà C không phải chịu theo quy định tại Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[4] Các khoản khác của án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị sẽ có hiệu lực sau khi hết thời gian kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 2, 3 Điều 308, Điều 293, 296 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Hoàng B và bà Nguyễn Thị C.

Sửa một phần và huỷ một phần bản án dân sự sơ thẩm số 12/2023/DS-ST ngày 07-02-2023 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hoà, tỉnh Long An.

Căn cứ vào Điều 26, 35, 39, 147, 148, 186, 273, 227 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 463, 466, 468, 357 Bộ luật Dân sự 2015; khoản 1, 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị Kim A đối với bà Nguyễn Thị Hoàng B về việc tranh chấp "hợp đồng vay tài sản".

[2] Huỷ một phần bản án sơ thẩm đối với việc buộc bà Nguyễn Thị C liên đới trả nợ cho bà Bùi Thị Kim A.

[3] Về án phí sơ thẩm: Buộc bà Bùi Thị Kim A phải chịu 13.825.300 đồng nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.845.000 đồng theo biên lai thu số 0000146 ngày 05/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y. Bà A còn phải nộp thêm số tiền 2.980.300 đồng.

[4] Về án phí phúc thẩm: Các đương sự không phải chịu.

Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị Hoàng B và bà Nguyễn Thị C mỗi người 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0008079, 0008080 cùng ngày 24/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hoà.

[5] Án xử công khai phúc thẩm có hiệu lực pháp luật thi hành ngay sau khi tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND cấp huyện;
- Chi cục THADS cấp huyện;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Cảnh